

XỬ LÝ VẤN ĐỀ TÔN GIÁO ĐỂ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ VÀ CON NGƯỜI VÙNG BIÊN CƯƠNG: KINH NGHIỆM CỦA TRUNG QUỐC VÀ BÀI HỌC ĐỐI VỚI VIỆT NAM

LÊ VĂN TOAN*

Tôn giáo là hình thái ý thức xã hội, nó có quy luật tự sinh, tự phát triển và tự diệt vong. Tôn giáo ra đời và phát triển từ hàng nghìn năm nay. Quá trình tồn tại và phát triển của tôn giáo ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống chính trị, văn hoá, xã hội, đến tâm lý đạo đức, lối sống, phong tục tập quán của nhiều dân tộc, quốc gia. Đối với Trung Quốc, vấn đề này cũng không ngoại lệ. Trong 30 năm cải cách mở cửa, các nhà nghiên cứu, các nhà lãnh đạo Trung Quốc luôn kiên trì lấy quan điểm mácxít về tôn giáo làm tư tưởng chỉ đạo, đồng thời tất cả những gì có giá trị và phù hợp với nhân tố khoa học của tôn giáo phi mácxít cũng được tổng kết và tiếp thu một cách hợp lý nhằm làm chỗ dựa cho việc xây dựng và phát triển quan điểm mácxít về tôn giáo, nhằm góp phần tăng cường quan hệ máu thịt giữa Đảng với quần chúng, tăng cường đoàn kết dân tộc, xây dựng “bốn văn minh”, đảm bảo xã hội ổn định, bảo vệ an ninh và thống nhất Tổ quốc. Mục tiêu và yêu cầu cơ bản công tác tôn giáo của các cấp lãnh đạo Trung Quốc là đảm bảo để các chức sắc, tín đồ tôn giáo đoàn kết chặt chẽ xung quanh Đảng Cộng sản và Chính phủ Trung Quốc, cùng nhau cống hiến sức lực cho xây dựng xã hội hài hoà xã hội chủ nghĩa (XHCN). Đặc biệt, khi thực hiện chủ trương xây dựng nền văn hoá

đại phồn vinh, đại phát triển cho toàn dân tộc Trung Hoa và từng vùng miền, nhất là ở vùng biên cương, nơi tôn giáo đậm đặc nhất thì Đảng và Nhà nước Trung Quốc rất coi trọng việc xử lý vấn đề tôn giáo.

Vùng biên cương rộng lớn của Trung Quốc là bức tường thành bảo vệ an ninh quốc gia, là cửa ngõ giao lưu đối ngoại, cũng là nơi sinh sống tập trung của các cộng đồng dân tộc thiểu số. Nét đặc thù này quyết định tính chất đặc biệt của tôn giáo ở vùng biên cương khác với vùng nội địa, công tác tôn giáo đã phức tạp thì ở vùng biên cương càng phức tạp hơn, tính quan trọng cũng cao hơn ở vùng nội địa vì nó liên quan trực tiếp đến đoàn kết dân tộc, củng cố biên phòng và ổn định biên giới quốc gia.

1) Những quan điểm cơ bản của Đảng và nhà nước Trung Quốc về công tác tôn giáo

Tín đồ tôn giáo ở Trung Quốc hiện nay chiếm khoảng 10% dân số và có xu hướng tiếp tục tăng. Một điều đặc biệt là đa số người dân tộc sống tập trung ở các vùng biên cương đều theo tín ngưỡng tôn giáo. Đặc điểm cơ bản này của đất nước Trung Quốc cần phải hết sức coi trọng trong công cuộc xây dựng xã hội hài hoà XHCN. Hiến pháp nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa quy định: công dân có quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo. “Bất cứ cơ quan nhà nước, đoàn thể xã hội và cá nhân nào cũng không được cưỡng bức công dân tín ngưỡng tôn giáo

* Tiến sĩ, Phó giám đốc Trung tâm Thông tin khoa học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

hoặc không tin ngưỡng tôn giáo, không được kỳ thị công dân tin ngưỡng tôn giáo và công dân không tin ngưỡng tôn giáo”. “Nhà nước bảo vệ hoạt động tôn giáo bình thường”. “Đoàn thể tôn giáo và công việc tôn giáo không chịu sự chi phối của thế lực bên ngoài”. Trong giai đoạn hiện nay, Đảng Cộng sản Trung Quốc càng rất coi trọng công tác tôn giáo, đã đề xuất hàng loạt chủ trương, quan niệm mới về công tác tôn giáo.

Tại Hội nghị toàn quốc về công tác dân tộc năm 2005, Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào chỉ rõ, cùng với sự thay đổi của tình hình thế giới sau Chiến tranh Lạnh, ảnh hưởng của nhân tố dân tộc và nhân tố tôn giáo đến đời sống chính trị quốc tế tăng lên rõ rệt. Hội nghị Trung ương 6 Khoá XVI năm 2006 đã đưa quan hệ tôn giáo thành một trong 5 quan hệ lớn cần phải xử lý tốt trong quá trình xây dựng xã hội hài hoà XHCN. Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2007 khẳng định: “Thúc đẩy hài hoà các quan hệ chính đáng, quan hệ dân tộc, quan hệ tôn giáo, quan hệ giai tầng, quan hệ đồng bào hải ngoại có tác dụng không thể thay thế đối với tăng cường đoàn kết, quy tụ sức mạnh dân tộc”. Trung ương Đảng rất coi trọng yêu cầu thúc đẩy hài hoà quan hệ tôn giáo: “quan triệt toàn diện phương châm cơ bản công tác tôn giáo của Đảng, phát huy tác dụng tích cực của chức sắc tôn giáo và quần chúng tín đồ tôn giáo nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”. Ngày 18 tháng 12 năm 2007, lớp học tập tập thể lần thứ hai của Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã lấy công tác tôn giáo làm nội dung học tập chủ yếu. Khi phát biểu chỉ đạo lớp học, Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào nhấn mạnh: “Muốn thực hiện mục tiêu của chúng ta, phải đoàn kết tất cả các lực lượng có thể đoàn kết,

huy động mọi nhân tố tích cực có thể huy động. Chúng ta phải nhận thức đúng và nắm chắc toàn diện vấn đề mới, tình hình mới liên quan đến công tác tôn giáo, thúc đẩy hài hoà quan hệ tôn giáo, ra sức đoàn kết nhân sĩ, tín đồ tôn giáo xung quanh Đảng và Chính phủ, cùng phấn đấu xây dựng xã hội hài hoà XHCN. Ông nêu rõ ba yêu cầu để làm tốt công tác tôn giáo trong tình hình mới. *Một là*, phải kiên trì phương châm cơ bản của Đảng về công tác tôn giáo. *Hai là*, phải tăng cường công tác quần chúng trong tín đồ tôn giáo, phải kiên trì “lấy con người làm gốc”, đoàn kết với mức độ lớn nhất các tín đồ tôn giáo, quy tụ sức mạnh và trí tuệ của họ vào mục tiêu chung xây dựng xã hội khá giả toàn diện, đẩy nhanh hiện đại hoá XHCN. Phải thật sự quan tâm tới các tín đồ tôn giáo, đặc biệt là các tín đồ gặp khó khăn trong cuộc sống, giúp họ giải quyết khó khăn một cách thiết thực. *Ba là*, tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo. Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ chức sắc tôn giáo tuân thủ pháp luật đáng tin cậy, có học thức, có phẩm chất đạo đức.

Những quan điểm trên của Đảng Cộng sản Trung Quốc là sự vận dụng quan điểm phát triển một cách khoa học vào công tác tôn giáo trong tình hình mới để thúc đẩy sự nghiệp văn hoá đại phát triển, đại phồn vinh tiến tới xây dựng xã hội hài hoà XHCN. Những quan điểm trên là phương hướng và nhiệm vụ trọng tâm của công tác tôn giáo trong giai đoạn hiện nay cũng như trong tương lai.

Từ những quan điểm chung đó, Trung Quốc đã đi sâu nghiên cứu và chỉ rõ 5 đặc điểm của tôn giáo.

- *Thứ nhất là*, tính quần chúng của tôn giáo. Theo thống kê, số người theo các tôn

giáo khác nhau ở Trung Quốc lên tới hơn 100 triệu người và tương lai sẽ còn tăng lên. Vì thế, xử sự đúng đắn vấn đề tôn giáo là xử sự đúng đắn với một bộ phận đông đảo quần chúng nhân dân.

- *Thứ hai là*, tính dân tộc của tôn giáo. Dân tộc và tôn giáo tuy là hai phạm trù khác nhau, nhưng hầu hết cư dân ở vùng dân tộc thiểu số đều theo một tôn giáo nhất định, mặt khác, vấn đề tôn giáo thường đan xen với vấn đề dân tộc, cho nên tôn giáo không chỉ là vấn đề tín ngưỡng mà còn là nội dung quan trọng của vấn đề dân tộc.

- *Thứ ba là*, tính quốc tế của tôn giáo. Tín ngưỡng tôn giáo là một hiện tượng quốc tế. Cơ đốc giáo, Phật giáo, Hồi giáo là ba tôn giáo lớn trên thế giới. Chúng đều có hệ thống bộ máy tổ chức mang tầm quốc tế, có ảnh hưởng quan trọng đến chính sách của nhiều quốc gia. Mỗi liên hệ theo chiều ngang trong giới tôn giáo giữa các quốc gia, dân tộc ngày càng phát triển nên có ảnh hưởng tương đối lớn đến quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc.

- *Thứ tư là*, tính lâu dài của tôn giáo. Tôn giáo là một hiện tượng lịch sử xã hội, có quy luật sinh tồn, phát triển và tiêu vong của riêng nó. Nó tồn tại lâu dài trong CNXH. Văn kiện: "*Quan điểm và chính sách cơ bản đối với tôn giáo trong thời kỳ xây dựng CNXH*" của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chỉ rõ: "Trong điều kiện XHCN, tôn giáo sẽ còn tồn tại lâu dài. Các đảng viên trong toàn Đảng phải có nhận thức tỉnh táo. Quan niệm rằng tôn giáo sẽ tiêu vong nhanh cùng với phát triển văn hoá, kinh tế, xây dựng XHCN là sai lầm, là xa rời hiện thực. Cách nghĩ và cách làm theo kiểu mệnh lệnh hành chính hoặc phương pháp cưỡng chế khác để có thể đập tan tôn giáo là

không khoa học, là đi ngược lại quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác về tôn giáo.

- *Thứ năm là*, tính phức tạp của tôn giáo. Tôn giáo là một hiện tượng xã hội nhạy cảm, phức tạp. Vấn đề tôn giáo thường gắn với nhiều vấn đề xã hội khác, các thế lực chính trị thường lợi dụng tôn giáo để tác động tới quần chúng nhân dân. Mâu thuẫn tôn giáo chủ yếu là mâu thuẫn trong nội bộ quần chúng nhân dân nhưng do thế lực thù địch ngoài nước luôn lấy tôn giáo làm thủ đoạn để xâm nhập, phá hoại nội bộ Trung Quốc khiến mâu thuẫn trong vấn đề tôn giáo cũng tồn tại mâu thuẫn địch ta. Vì thế, hai loại mâu thuẫn không cùng tính chất này thường đan xen, nhiều lúc khó phát hiện.

Từ những quan điểm chung trên, trong các thời kỳ lịch sử khác nhau của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ và công cuộc xây dựng CNXH, Đảng Cộng sản Trung Quốc đều xác định rõ phương châm và chính sách cơ bản của Đảng về công tác tôn giáo. Hiện nay, phương châm cơ bản mà Đảng Cộng sản Trung Quốc xác định được khái quát thành 4 nguyên tắc sau.

- *Một là*, toàn Đảng toàn dân quán triệt chính sách tự do tín ngưỡng tôn giáo. Đây là chính sách cơ bản lâu dài của Đảng, là quyền lợi cơ bản mà Hiến pháp dành cho công dân, cũng là chính sách quan trọng nhất, cơ bản nhất trong chính sách tôn giáo của Đảng. Chính sách này nêu rõ sự tôn trọng và bảo hộ của Đảng và Chính phủ Trung Quốc đối với quyền tín ngưỡng của công dân, là thể hiện quan điểm cầm quyền "lấy con người làm gốc" và nhu cầu phát triển dân chủ xã hội, là sự phản bác đối với những công kích chính sách tôn giáo của Trung Quốc từ các thế lực thù địch quốc tế.

- *Hai là*. Đảng, Nhà nước quản lý hoạt động tôn giáo theo pháp luật. Đây là yêu cầu tất yếu của quản lý đất nước bằng pháp luật và xây dựng pháp chế XHCN.

- *Ba là*, tích cực dẫn dắt tôn giáo thích ứng với CNXH là kinh nghiệm của Đảng trong việc tuân thủ quy luật sinh tồn và phát triển của tôn giáo dưới chế độ XHCN, tổng kết hai mặt chính diện và phản diện của công tác tôn giáo để đưa ra quyết sách khoa học đối với quan hệ giữa tôn giáo và CNXH nhằm định hướng tôn giáo theo hướng tích cực, phát huy tác dụng của các chức năng tôn giáo trong xây dựng xã hội hài hoà, xây dựng quan hệ hài hoà giữa tôn giáo với CNXH.

- *Bốn là*, kiên trì nguyên tắc độc lập, tự chủ, tự quản là nhu cầu duy trì chủ quyền quốc gia và sự tôn nghiêm của quốc gia, là sự vận dụng nguyên tắc độc lập tự chủ vào công tác tôn giáo nhằm giúp tôn giáo Trung Quốc thoát khỏi sự can thiệp, khống chế của các thế lực bên ngoài, chủ động ứng phó với âm mưu lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch phương Tây can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc. Đồng thời cũng cần động viên, khuyến khích chức sắc tôn giáo tăng cường giao lưu quốc tế và trao đổi ngoại giao dưới tiêu đề độc lập, tự chủ, bình đẳng, hữu nghị, tôn trọng lẫn nhau, cùng có lợi.

2). Biện pháp thiết thực, khả thi về công tác tôn giáo nhằm thúc đẩy phát triển văn hoá, con người vùng biên cương Trung Quốc

Xác lập quan điểm, phương hướng, phương châm và chính sách tôn giáo đúng đắn là hết sức cần thiết nhưng chưa đủ, cần phải kết hợp với thực tế vùng biên cương để định ra biện pháp công tác tôn giáo thiết

thực, khả thi để cho chính sách tôn giáo được đi vào cuộc sống. Vùng biên cương Trung Quốc có trên 100 triệu tín đồ tôn giáo, vai trò và ảnh hưởng của tôn giáo đến đời sống xã hội ở các vùng này rất lớn. Phải nhận thức rõ thực tế này để trên cơ sở pháp luật, vận dụng đúng đắn chính sách tôn giáo, chung sống hài hoà với tôn giáo, xử lý tốt các vấn đề và mâu thuẫn tôn giáo, hướng dẫn tín đồ tôn giáo tham gia vào sự nghiệp xây dựng xã hội khá giả toàn diện.

Hiện tại, Trung Quốc đã và đang nghiên cứu triển khai 10 biện pháp thiết thực về công tác tôn giáo ở vùng biên cương.

1. Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng cho các tổ chức tôn giáo, chức sắc và tín đồ tôn giáo, tăng cường tuyên truyền giáo dục chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc, về tôn giáo cho toàn thể quần chúng nhân dân và các tín đồ tôn giáo.

2. Tập trung chú trọng quản lý tôn giáo theo pháp luật, tăng cường quản lý các tổ chức tôn giáo, mở rộng việc quản lý cho các nhân viên nòng cốt và các chức sắc tôn giáo, đảm bảo để tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ chính sách và pháp luật.

3. Triển khai sâu rộng hoạt động ở các bản, trại, nắm chắc tình hình thực tế các hoạt động tôn giáo, giải quyết kịp thời, triệt để mọi vấn đề và mâu thuẫn phát sinh có liên quan đến tôn giáo.

4. Trước xu thế gia tăng hoạt động thâm nhập của tôn giáo nước ngoài, cần phải chú trọng những vấn đề sau: *Một là*, phải tăng cường xây dựng, hoàn chỉnh pháp luật để ngăn chặn, hạn chế sự xâm nhập của tôn giáo nước ngoài. *Hai là*, phải tăng cường bồi dưỡng giáo dục cán bộ lãnh đạo, tổ chức cơ sở thôn xã, làng bản, nâng cao nhận thức về

sự nguy hiểm của hoạt động thâm nhập của các thế lực tôn giáo nước ngoài vào lãnh thổ Trung Quốc, nâng cao tính chủ động giải quyết vấn đề tôn giáo cho cán bộ, chức sắc tôn giáo cơ sở. *Ba là*, nâng cao vai trò của các cán bộ làm công tác tôn giáo, phát huy tác dụng của mạng lưới quản lý ba cấp huyện, xã, thôn, kết hợp giữa đá phá và ngăn chặn, phát hiện sớm sự thâm nhập của các thế lực tôn giáo nước ngoài để xử lý triệt để.

5. Phê phán nghiêm khắc âm mưu lợi dụng tôn giáo để tiến hành các hoạt động phi pháp, ngăn chặn mọi hành vi lợi dụng tôn giáo để gây rối trật tự an ninh xã hội, phá hoại sự thống nhất đất nước và đoàn kết dân tộc. Nghiêm trị những phần tử nguy hại cấu kết với thế lực thù địch nước ngoài gây nguy hại tới an ninh quốc gia. Kiên quyết xoá bỏ các tổ chức tôn giáo phi pháp, kiên quyết chống lại các phần tử giả danh, đội lốt tôn giáo để tiến hành các hoạt động phi pháp.

6. Căn cứ vào đặc điểm tính dân tộc của tôn giáo, lấy phát triển kinh tế làm nhiệm vụ hàng đầu (nhưng trong thực tế mục tiêu cuối cùng của mọi cuộc cách mạng phải là văn hoá), kiên trì lấy việc “cùng đoàn kết phấn đấu, cùng phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc, hướng dẫn, giúp đỡ giáo dân phát triển sản xuất, nhanh chóng thoát khỏi nghèo đói, tiến tới làm giàu.

7. Tăng cường giáo dục, bồi dưỡng đội ngũ cốt cán tôn giáo, chú ý các nhu cầu phù hợp với công tác tôn giáo của các tín đồ tôn giáo. Tăng nhanh việc bồi dưỡng nhân sĩ đại biểu mới có tinh thần yêu nước, yêu giáo hội; Có tổ chức, có kế hoạch đào tạo chuyên sâu cán bộ, giúp họ đủ năng lực tham gia và gánh vác nhiệm vụ được giao.

8. Tích cực khai thông quan hệ với chức sắc tôn giáo. Đa số chức sắc tôn giáo có

tinh thần yêu nước, tôn trọng pháp luật, tin tưởng, đi theo Đảng và Chính phủ, là lực lượng quan trọng liên hệ với quần chúng tín đồ, làm tốt công việc của giáo hội, bảo vệ sự ổn định xã hội. Tổ chức Đảng, chính quyền các cấp cần thường xuyên lắng nghe ý kiến, kiến nghị của chức sắc tôn giáo và đoàn thể tôn giáo yêu nước, cần hiệp thương với họ trong giải quyết mọi vấn đề liên quan đến tôn giáo.

9. Quan tâm thường xuyên tới đời sống của quần chúng tín đồ, đặc biệt là quần chúng tín đồ nghèo ở vùng biên cương. Những nơi phát triển tín đồ nhanh ở vùng biên cương hầu hết là những nơi chậm phát triển kinh tế, nhiều tín đồ tập trung sinh sống ở vùng biên cương, núi cao, vùng sơn trại. Quần chúng tín đồ vừa là tín đồ tôn giáo, vừa là quần chúng nhân dân - lực lượng nòng cốt xây dựng xã hội hài hoà ở địa phương. Cần mở rộng quan hệ với những tín đồ này, hướng dẫn họ tập trung sức lực và của cải vào sản xuất, xây dựng đời sống vật chất và đời sống tinh thần.

10. Xây dựng quan hệ dân tộc hài hoà ở vùng biên cương. Quan hệ tôn giáo liên quan mật thiết với quan hệ dân tộc. Trong tiến trình lịch sử xây dựng và phát triển đất nước, quan hệ dân tộc, tôn giáo vừa mở rộng quan hệ với các dân tộc khác nhau nhưng lại thường trở thành nguồn gốc cơ bản làm phát sinh xung đột dân tộc. Tính dân tộc của tôn giáo ở vùng biên cương rất đậm nét. Do đó, xây dựng, củng cố quan hệ hài hoà giữa các dân tộc ở vùng biên cương sẽ tạo điều kiện thuận lợi để giải quyết các mâu thuẫn cũng như các vấn đề tôn giáo.

Ngoài những vấn đề trên, Trung Quốc còn rất coi trọng biện pháp giáo dục truyền thống văn hoá tôn giáo. Các nhà lãnh đạo và

nghiên cứu ở Trung Quốc đều cho rằng không tìm hiểu kỹ truyền thống văn hoá Trung Quốc thì không thể lý giải được tình hình tôn giáo Trung Quốc. Dân tộc Trung Hoa là một dân tộc luôn trong quá trình dung hợp, tôn giáo ngoại lai và tôn giáo tự sinh tự trưởng trong nước đều thịnh suy trong quá trình dung hợp đó. Về hình thức biểu hiện, văn hoá truyền thống Trung Quốc thể hiện rất rõ kết cấu lấy tôn giáo mang tính tông pháp làm chủ và có sự dung nhận, cùng chung sống với các tôn giáo khác. Một kết cấu có nhiều loại tôn giáo cùng tồn tại và một thái độ khoan dung về tín ngưỡng vừa là đặc điểm và ưu thế của truyền thống tín ngưỡng tôn giáo của dân tộc Trung Hoa lại vừa là cơ sở văn hoá để Trung Quốc xử lý quan hệ giữa phát triển và ổn định xã hội Trung Quốc, trong đó quan trọng là vấn đề phát triển văn hoá và con người. Do đó, đặt việc giáo dục truyền thống văn hoá tôn giáo vào cơ cấu giáo dục quan điểm tôn giáo là hết sức quan trọng trong hiện tại và tương lai lâu dài. Chỉ có thông qua sự kiên trì giáo dục lâu dài thì mới làm cho cán bộ và quần chúng nhân dân xác lập được quan điểm tôn giáo khoa học của chủ nghĩa Mác.

3) Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam trong việc xử lý vấn đề tôn giáo để phát triển văn hoá và con người vùng biên giới

Cũng giống như Trung Quốc, Việt Nam là một đất nước có nhiều tôn giáo, có những tôn giáo có nguồn gốc từ phương Đông như: Phật giáo, Lão giáo; có tôn giáo có nguồn gốc từ phương Tây như: Thiên Chúa giáo, Tin Lành; có tôn giáo được sinh ra ở Việt Nam như: Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo. Ước tính hiện nay Việt Nam có khoảng 20 triệu

tín đồ của 6 tôn giáo đang hoạt động bình thường, ổn định, chiếm khoảng 25% dân số.

Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến vấn đề tôn giáo. Chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam được xây dựng trên quan điểm cơ bản của học thuyết Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tín ngưỡng tôn giáo và căn cứ vào đặc điểm tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam. Tư tưởng nhất quán, xuyên suốt của Đảng, Nhà nước Việt Nam là tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân: đoàn kết tôn giáo, hoà hợp dân tộc. Tinh thần đó được Đảng, Nhà nước ta thể hiện bằng hệ thống chính sách phù hợp với từng giai đoạn cách mạng và ngay từ khi Đảng ta mới thành lập.

Ngày 18.11.1930, trong *Chi thị của Thường vụ Trung ương về vấn đề thành lập Hội phản đế đồng minh* đã có tuyên bố đầu tiên về chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng của quần chúng. Chính sách này cũng được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra ngay trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngày 3.9.1945. “Tín ngưỡng, tự do và lương giáo đoàn kết”, coi đó là một trong 6 nhiệm vụ của Nhà nước dân chủ mới ra đời. Ngày 14.6.1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh 234-SL ban hành chính sách tôn giáo của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, trong đó ghi rõ: “Việc tự do tín ngưỡng, thờ cúng là một quyền lợi của nhân dân. Chính quyền dân chủ cộng hoà luôn luôn tôn trọng quyền lợi ấy và giúp đỡ nhân dân thực hiện”. Ngày 11.11.1977, Chính phủ ban hành *Nghị quyết số 297-CP* về “*Một số chính sách đối với tôn giáo*”. Ngày 3.1.1991, Hội đồng Bộ trưởng ban hành *Nghị định 59-HĐBT “Quy định về hoạt động tôn giáo*”. Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII

khẳng định: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đảng và Nhà nước ta tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện bình đẳng, đoàn kết lương giáo và giữa các tôn giáo. Khắc phục mọi thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử với đồng bào có đạo, chống những hành vi lợi dụng tôn giáo phá hoại độc lập dân tộc và đoàn kết dân tộc, chống phá CNXH, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân”.

Đến đầu thập kỷ 90 thế kỷ XX, trong những năm đầu thực hiện công cuộc đổi mới, Bộ Chính trị ra *Nghị quyết 24-NQ/TW về công tác tôn giáo trong tình hình mới*, ghi dấu son về sự đổi mới trong đường lối, chính sách tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Ngày 2/7/1998, Bộ Chính trị ra *Chỉ thị 37-CT/TW về công tác tôn giáo trong tình hình mới*, và đến *Nghị quyết 7 Trung ương Đảng khóa IX* (Nghị quyết 25-NQ/TW ngày 12/3/2003) thì quan điểm, chính sách của Đảng ta về tín ngưỡng, tôn giáo tiếp tục được khẳng định và phát triển thêm một bước phù hợp với công cuộc đổi mới của Đảng. Đó là: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật”.

Đặc biệt, tháng 7/2004, dư luận trong nước và quốc tế rất quan tâm đến sự kiện “*Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*” do Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua và ban hành cũng như Nghị định của Chính phủ ban hành tháng 3/2005 về *Hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh về tín ngưỡng, tôn giáo*.

Xét từ bình diện Hiến pháp, từ năm 1945 đến nay, Việt Nam đã có 4 Hiến pháp (năm 1946, 1959, 1980 và 1992), trong đó Hiến pháp đầu tiên năm 1946 ghi rõ: “Mọi công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng”. Điều 80, Hiến pháp năm 1980 ghi: “Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Không ai được lợi dụng tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước”. Điều 70, Hiến pháp năm 1992 ghi: “Công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước”.

Như vậy là, Đảng, Nhà nước ta có những bước tiến dài trong nhận thức, xử lý, thể chế hoá các quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của quần chúng nhân dân và các hoạt động của các tổ chức, tín đồ tôn giáo.

Chúng tôi tạm thời khái quát một số điểm sau:

- *Một là*, Đảng và Nhà nước ta đã thể chế hoá căn bản theo hướng pháp quyền mối quan hệ giữa Nhà nước và tôn giáo. Một mô hình nhà nước thể tục vô thần do Chủ tịch Hồ Chí Minh thiết kế từ *Sắc lệnh 234 (1955)* đến nay đã dần hiện ra rõ rệt. Mô hình này tỏ ra thích hợp với đời sống tôn giáo ở Việt Nam, được đông đảo quần chúng nhân dân trong toàn quốc nói chung ủng hộ và bước đầu được thế giới công nhận.

- *Hai là*, đã giải quyết ngày một tốt hơn mối quan hệ giữa “công tác tôn giáo” và “hoạt động tôn giáo”. Mối quan hệ này vốn rất nhạy cảm, phức tạp vì các “hoạt động tôn

giáo” vốn là lợi ích sống còn của các chủ thể tôn giáo, trong đó “công tác tôn giáo” lại là vấn đề thuộc quản lý nhà nước.

- *Ba là*, vận dụng kinh nghiệm của lịch sử dân tộc và quốc tế về *Luật pháp tôn giáo*, để thể chế hoá về quyền hạn và nghĩa vụ của toàn dân, trước hết là cộng đồng các tôn giáo ngày càng thích hợp hơn. Đây là nét mới trong chính sách tôn giáo của chúng ta.

Có thể nói, sự đổi mới chính sách tôn giáo của Việt Nam những năm gần đây đã mang lại những kết quả không nhỏ trong việc góp phần quyết định tạo ra sự ổn định xã hội. Đương nhiên, tình hình hiện tại và lâu dài, trong xu thế toàn cầu hoá, hội nhập khu vực và thế giới, các thế lực thù địch vẫn luôn tìm cách lợi dụng vấn đề tôn giáo để thâm nhập, chống phá Nhà nước ta, chế độ ta. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam hiện tại và tương lai không thể nói là không nhạy cảm, phức tạp, nhất là tôn giáo ở các vùng biên giới quốc gia, đặc biệt là Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam.

Ngày nay, không có một đất nước nào đóng cửa, không giao lưu kinh tế, văn hoá với bên ngoài mà phát triển được. Cũng không thể mượn mô hình của nước khác mà áp đặt máy móc cho nước mình mà phát triển được. Chỉ có thể giao lưu, học hỏi để mở rộng tầm nhìn, tầm nghĩ, tự biến đổi mình để phát triển. Sự phát triển văn hoá, con người bao giờ cũng phải lấy yếu tố nội sinh làm chủ thể, vì nó là sản phẩm của trí tuệ, của tâm hồn nên không ai thay thế cho ai được. Muốn vậy, phải nhận thức sâu sắc giữa tính phổ biến và tính đặc thù, tính kế thừa và tính độc lập. Không nên quá tả và quá hữu. Tương đối và hài hoà là cách ứng xử khôn ngoan nhất.

Xem xét những kinh nghiệm của Trung Quốc trong xử lý vấn đề tôn giáo để phát triển văn hoá và con người vùng biên cương, xét thực tiễn tôn giáo Việt Nam nói chung và tôn giáo vùng biên giới Việt Nam nói riêng, chúng tôi thấy cần bàn thêm một số điểm sau:

Một là, chúng ta đã thừa nhận tôn giáo là một thực tại xã hội, thậm chí có thể đồng hành với dân tộc và với CNXH, có thể cần tiến thêm một bước trong tư duy lý luận là để tôn giáo có thể thích ứng với CNXH thì cần phải tạo cho nó khả năng và quyền hạn pháp lý nhân sự, tham gia tích cực hơn vào một số lĩnh vực xã hội thích hợp, đóng góp hữu ích vào việc xây dựng, phát triển đất nước và thoả mãn yêu cầu của đời sống tôn giáo. Thực tế, nhu cầu xã hội của các tôn giáo ngày càng tăng trong xu thế toàn cầu hoá và hội nhập, và nó cũng không tách rời quyền sinh hoạt thường nhật của tôn giáo.

- *Hai là*, cần giải quyết hợp lý, hợp pháp mối quan hệ giữa Nhà nước với các tổ chức tôn giáo. Đây là vấn đề rất quan trọng không những trên bình diện xây dựng nhà nước pháp quyền mà còn đáp ứng đòi hỏi bức xúc của thực tiễn. Chỉ có ngày càng hoàn thiện luật pháp tôn giáo mới có thể có điều kiện, phương tiện hữu hiệu làm tốt công tác quản lý nhà nước về tôn giáo.

- *Ba là*, phải nhận thức và quán triệt sâu rộng tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo để làm tốt hơn việc ổn định đời sống tôn giáo và tạo điều kiện cho các tôn giáo cống hiến mọi khả năng xây dựng và phát triển đất nước. Cần duy trì và phát triển xu hướng tôn giáo đồng hành với dân tộc và CNXH, đoàn kết dân tộc, tôn giáo trước hết bằng mục tiêu chung, điểm tương đồng giữa lý tưởng tốt đẹp vốn có của các tôn giáo với CNXH, khai

thác những giá trị tích cực của tôn giáo. đặc biệt là giá trị văn hoá và đạo đức để phục vụ cho sự nghiệp “giữ vững độc lập, thống nhất Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

- *Bốn là*, có chủ trương, chính sách đúng là tối quan trọng, nhưng chưa đủ, cần phải có những biện pháp thiết thực, khả thi chung và những biện pháp cụ thể, phù hợp cho tôn giáo từng vùng, miền, nhất là tôn giáo vùng biên giới quốc gia để chuyển tải chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước vào cuộc sống thì sẽ có điều kiện xử lý vấn đề tôn giáo tốt hơn để phát triển văn hoá và con người, phát triển đất nước như chủ trương của Đảng đã đề ra.

- *Năm là*, phải tăng cường giáo dục truyền thống văn hoá tôn giáo. Không nghiên cứu kỹ truyền thống văn hoá Việt Nam thì khó có thể lý giải và xử lý tốt vấn đề tôn giáo Việt Nam. Lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam luôn đồng hành với quá trình không ngừng dung hợp. Tôn giáo tự sinh, tự trưởng ở Việt Nam và tôn giáo ngoại lai đều trải qua quá trình không ngừng dung hợp, có thịnh, có suy tuỷ theo từng giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc. Biểu hiện rõ nhất của quá trình lịch sử đó là sự khoan dung, cùng chung sống giữa các tôn giáo. Sự khoan dung về tín ngưỡng tôn giáo này là đặc điểm ưu thế truyền thống của dân tộc Việt Nam, nó là cơ sở văn hoá để Việt Nam xử lý quan hệ giữa phát triển và ổn định, trong đó quan trọng là phát triển văn hoá và con người. Một xã hội có sự nghiệp giáo dục văn hoá càng phát triển, tri thức tôn giáo và tri thức dân tộc càng phổ cập thì lợi ích hợp pháp của các tôn giáo, các dân tộc càng được đảm bảo, càng dễ hình thành bầu không khí xã hội tôn trọng lẫn nhau giữa văn hoá khác

nhau và tín ngưỡng khác nhau. Bởi vậy, đưa giáo dục quan điểm tôn giáo vào nền giáo dục quốc dân sẽ có lợi cho Đảng, Chính phủ, cho đất nước và cho sự nghiệp phát triển văn hoá và con người của dân tộc Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Ra sức sáng tạo văn hoá. lấy việc tăng cường sức sáng tạo văn hoá toàn dân tộc làm mục tiêu*, Lạc Thụ Cương, Tạp chí Cầu thị, số 23-2007.

2. *Bàn về chức năng chính quyền địa phương trong phát triển sản nghiệp văn hoá vùng dân tộc*, Viên Minh Hạo, Tạp chí Trần Tuyên tử trường, số 1-2008.

3. *Tập trung sáng tạo tác phẩm văn nghệ xuất sắc, tự giác, chủ động thúc đẩy văn hoá đại phát triển, đại phồn vinh*, Tạp chí Cầu thị, số 19-2007.

4. *Trọng tâm công tác năm 2008 - nỗ lực khai sáng cục diện mới về văn hoá*. <http://culture.people.com.cn> ngày 16-5-2008.

5. *Thực tiễn thành công của việc tự trị khu vực dân tộc*, Tạp chí Cầu thị, số 15-2007.

6. *Giương cao ngọn cờ vĩ đại chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, kiên trì và hoàn thiện chế độ tự trị dân tộc Trung Quốc*, Tạp chí Cầu thị, số 24-2007.

7. *Lý giải như thế nào về Đại phát triển văn hoá*, Nghiên cứu Văn hoá, số 12-2007.

8. *Quán triệt đúng đắn chính sách tôn giáo của Đảng, nỗ lực khai sáng toàn cục công tác tôn giáo*, Tư Mã Nghĩa, Ngãi Mãi Đề, Tạp Chí Tôn giáo Trung Quốc, số 4-2007.

9. *Vấn đề tôn giáo trong Văn kiện Đại hội lần thứ X của Đảng*, GS,TS. Đỗ Quang Hưng, Tạp chí Thông tin công tác tư tưởng – lý luận, số 8-2006.